

BỘ QUỐC PHÒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BQP-CT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
Ngày 25/7/2025**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ AN ĐIỀU DƯỠNG,
CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, CHĂM SÓC KHI MẮC BỆNH HIỂM NGHÈO, HỖ TRỢ TANG LỄ KHI TỬ TRẦN
ĐỐI VỚI SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NGHỈ HƯU VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc về tinh thần, vật chất đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu, gồm: Chế độ an điều dưỡng; chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo; chế độ thông tin; hỗ trợ tang lễ khi tử trần theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024.	Kế thừa Thông tư số 158/2011/TT-BQP; phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này quy định 4 chế độ đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu, đó là: Chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi tử trần theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật số 52/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. So với Thông tư số 158/2011/TT-BQP, dự thảo Nghị định không quy định các chế độ, như: Khám, chữa bệnh; gặp mặt, tặng quà nhân các ngày lễ, tết.
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Đối tượng 1: a) Sĩ quan cấp quân hàm Thiếu tướng trở lên;	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Sĩ quan cấp Tướng đã nghỉ hưu. 2. Sĩ quan cấp Tá, cấp Úy đã nghỉ hưu, gồm:	Về đối tượng áp dụng, dự thảo Nghị định này quy định đối tượng áp dụng như đối với quy định tại Thông tư số

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
b) Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá, mức lương 668 đồng theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân viên chức và các lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 235/HĐBT); c) Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá nâng lương lần 2 hệ số 7,2 theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 25/CP); hoặc hệ số 8,6 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP); d) Sĩ quan nguyên là Tư lệnh, Chính ủy quân đoàn; Tư lệnh, Chính ủy binh chủng; Cục trưởng có chức năng chỉ đạo toàn quân và tương đương trở lên; hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,9 trở lên theo Nghị định số 25/CP hoặc từ 1,1 trở lên theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP; 2. Đối tượng 2: a) Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá mức lương 655 đồng theo Nghị định số 235/HĐBT; Đại tá nâng lương lần 1 hệ số 6,85 theo Nghị định số 25/CP hoặc 8,4 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP; b) Sĩ quan nguyên là Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy quân đoàn; Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy binh chủng và tương đương; hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,8 theo Nghị định số 25/CP hoặc 1,0 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.	a) Sĩ quan cấp Đại tá hưởng mức lương 668 đồng theo quy định tại Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang; b) Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Tư lệnh, Chính ủy (Quân đoàn, Binh chủng, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và tương đương); Cục trưởng các Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên¹ theo quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,1 trở lên² theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,2 trở lên theo quy định tại Nghị định số/..../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 204/2004/NĐ-CP; c) Sĩ quan cấp Đại tá nâng lương lần 2; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy (Quân đoàn, Binh chủng, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và tương đương); Phó Cục trưởng các Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,8³ theo quy định tại Nghị định	158/2011/TT-BQP; bổ sung thêm đối tượng sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Tư lệnh, Chính ủy (Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển) vào điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định; đồng thời, bổ sung thêm đối tượng trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy (Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển) hoặc Phó Cục trưởng các Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân vào điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định (Thông tư số 158/2011/TT-BQP gọi là Đối tượng 1); Lý do: Bổ sung đối tượng để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

¹ Tư lệnh Quân đoàn.

² Tư lệnh Quân đoàn.

³ Phó Tư lệnh Quân đoàn.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
3. Đối tượng 3: Sĩ quan cấp quân hàm Đại tá, Thượng tá hoặc sĩ quan nguyên là chỉ huy Sư đoàn hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương. 4. Đối tượng 4: Sĩ quan cấp quân hàm Trung tá, Thiếu tá hoặc sĩ quan nguyên là chỉ huy Trung đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận) và tương đương. 5. Đối tượng 5: Sĩ quan cấp úy và các chức danh khác tương đương. 6. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng có cấp bậc quân hàm, hoặc mức lương, hoặc hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với cấp bậc quân hàm, hoặc mức lương, hoặc hệ số phụ cấp chức vụ của sĩ quan cấp nào thì được hưởng chế độ quy định tại Thông tư này như đối với sĩ quan cấp đó. 7. Trường hợp thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì cán bộ được đăng ký và được thực hiện chế độ, chính sách đối với chức vụ lãnh đạo cao nhất đã qua.	số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 1,0⁴ theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 1,15 theo quy định tại Nghị định số/..../ND-CP; d) Sĩ quan cấp Đại tá hưởng mức lương 655 đồng theo quy định tại Nghị định số 235/HĐBT; sĩ quan cấp Đại tá nâng lương lần 1; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Sư đoàn hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7⁵ theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,9⁶ theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 1,1 theo quy định tại Nghị định số/..../ND-CP; đ) Sĩ quan cấp Đại tá, Thượng tá; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Lữ đoàn, Trung đoàn hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5⁷ theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7⁸ theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,9 theo quy định tại Nghị định số ../...ND-CP; e) Sĩ quan cấp Trung tá, Thiếu tá; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Tiểu	

⁴ Phó Tư lệnh Quân đoàn.

⁵ Sư đoàn trưởng.

⁶ Sư đoàn trưởng.

⁷ Trung đoàn trưởng.

⁸ Trung đoàn trưởng.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
	đoàn và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,35⁹ theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5¹⁰ theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7 theo quy định tại Nghị định số/...../NĐ-CP; g) Sĩ quan cấp Úy. 3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu.	
Điều 3. Đối tượng không áp dụng a) Các đối tượng đã được hưởng chế độ quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp. b) Cán bộ quân đội nghỉ hưu thuộc đối tượng nêu tại Điều 2 Thông tư này đang chấp hành án phạt tù; đầu hàng địch; bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia.	Điều 3. Đối tượng không áp dụng 1. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp¹¹. 2. Đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 Nghị định này đang chấp hành án phạt tù; bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia. 3. Sĩ quan Quân đội đã nghỉ hưu mà bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách tất cả các chức vụ trong Đảng hoặc khai trừ ra khỏi Đảng hoặc xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm hoặc tước danh hiệu quân nhân.	Kế thừa Thông tư số 158/2011/TT-BQP; dự thảo Nghị định quy định rõ đối tượng không áp dụng, gồm: Sĩ quan nghỉ hưu thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đang chấp hành án phạt tù; bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia; Đồng thời, để bảo đảm chặt chẽ và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, dự thảo Nghị định thiết kế, bổ sung thêm đối tượng không áp dụng, cụ thể: Sĩ quan Quân đội đã nghỉ hưu bị kỷ luật bằng hình thức cách tất cả các chức vụ trong Đảng hoặc khai

⁹ Tiểu đoàn trưởng.

¹⁰ Tiểu đoàn trưởng.

¹¹ Đại tướng lực lượng vũ trang.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
		trừ ra khỏi Đảng hoặc xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm hoặc tước danh hiệu quân nhân.
Điều 4. Chế độ an điều dưỡng 1. Đối tượng, tỷ lệ phiếu mời an điều dưỡng, số người trong phiếu mời gia đình, thời gian an điều dưỡng a) Cán bộ quân đội nghỉ hưu cấp Thiếu tướng trở lên được cấp phiếu mời gia đình đi an điều dưỡng mỗi năm một lần; các đối tượng còn lại quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được cấp phiếu mời gia đình đi an điều dưỡng hai năm một lần tại Đoàn an điều dưỡng quân đội. b) Hàng năm, Bộ Quốc phòng cấp 7.050 phiếu mời (80% phiếu mời cá nhân, 20% phiếu mời gia đình) để mời đối tượng 2 trở xuống đi an điều dưỡng tại các Đoàn an điều dưỡng quân đội; thứ tự ưu tiên người có nhiều cống hiến, người có công với cách mạng, cán bộ ba thời kỳ, người có cấp bậc, chức vụ từ cao đến thấp. c) Cán bộ quân đội nghỉ hưu có phiếu mời được bố trí phòng nghỉ như quy định cho cán bộ cùng cấp bậc, chức vụ đang công tác; cán bộ Lão thành cách mạng, Tiên khởi nghĩa, cán bộ ba thời kỳ được bố trí phòng nghỉ như đối với cán bộ cấp Đại tá. d) Cán bộ quân đội nghỉ hưu được mời an điều dưỡng tại Đoàn an điều dưỡng của quân đội trong phạm vi không quá 600km, từ nơi cư trú đến Đoàn an điều dưỡng. đ) Cán bộ quân đội nghỉ hưu có phiếu mời gia đình, số lượng người đi cùng không quá 04 người; người đi cùng phải tự túc phương tiện, tiền ăn. e) Thời gian an điều dưỡng: Đối với phiếu mời cá nhân là 10 ngày; phiếu mời gia đình là 07 ngày. 2. Tiêu chuẩn an điều dưỡng a) Đối tượng 1 được cấp tiền bồi dưỡng mỗi năm một lần	Điều 4. Chế độ an điều dưỡng 1. Tiền an điều dưỡng a) Đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng với mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan cấp Tướng đang công tác; b) Đối tượng quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng bằng 50% mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm Đại tá, Thượng tá đang công tác; c) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng bằng 50% mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm Trung tá, Thiếu tá đang công tác; d) Đối tượng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng bằng 50% mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan cấp Úy đang công tác. đ) Trường hợp nghỉ hưu, hưởng lương hưu trong Quý I hằng năm thì từ năm nghỉ hưu trở đi được hỗ trợ tiền an điều dưỡng quy định tại điểm a, b, c và d khoản này; trường hợp nghỉ hưu, hưởng lương hưu từ Quý II đến Quý IV hằng năm thì được hỗ trợ tiền an điều dưỡng từ năm sau liền kề của năm nghỉ hưu. 2. Phiếu mời an điều dưỡng a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định	Về chế độ an điều dưỡng: Từ thực tiễn đã triển khai Thông tư số 158/2011/TT-BQP về thực hiện chế độ an điều dưỡng đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu để quy định chế độ an điều dưỡng tại Nghị định này cho phù hợp, thống nhất và có tính khả thi cao. Cụ thể như sau: - Về chế độ tiền an điều dưỡng: Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu được hỗ trợ tiền an điều dưỡng với mức hưởng theo nhóm đối tượng (hưởng mức 100% hoặc mức 50% mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan có cùng điều kiện đang công tác). - Về phiếu mời an điều dưỡng: Căn cứ số lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu (hiện nay khoảng 280.000 người) và số lượng giường nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng, hằng năm Bộ Quốc phòng cấp phiếu mời an điều dưỡng để mời gia đình hoặc cá nhân sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đi an điều dưỡng tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
bằng mức 1 như cán bộ đang công tác; năm 2011 là 930.000 đồng/người. Khi đi an điều dưỡng, cán bộ nộp tiền ăn cho Đoàn an điều dưỡng theo mức tiền ăn quy định. b) Phiếu mời đối tượng 2 trở xuống bằng mức 2, loại 2A như cán bộ đang công tác; năm 2011 là 840.000 đồng/người. c) Đối tượng có phiếu mời gia đình; cá nhân có phiếu mời đi lẻ (không theo Đoàn) khi đi an điều dưỡng nếu tự túc phương tiện hoặc đi bằng phương tiện giao thông công cộng (ô tô khách, tàu hỏa, tàu thủy) thì được thanh toán tiền tàu xe cho cả lượt đi và lượt về theo giá vé tàu xe thông thường tại thời điểm thanh toán, tổng quãng đường không quá 1.200km. Tiền tàu xe do Đoàn an điều dưỡng nơi cán bộ đến nghỉ trực tiếp thanh toán chi trả. Hàng năm, Đoàn an điều dưỡng được phân cấp một khoản kinh phí hỗ trợ tiền tàu xe; các Đoàn được quyết toán theo thực chi. d) Đối tượng có phiếu mời cá nhân do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố tổ chức đi nghỉ tập trung; tiền tàu xe được cấp theo số phiếu mời phân cấp hàng năm cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. 3. Quản lý phiếu mời an điều dưỡng a) Phiếu mời có ghi năm và có giá trị sử dụng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 12 của năm ghi trên phiếu. b) Phiếu mời do Tổng cục Chính trị phát hành theo mẫu thống nhất, phiếu mời đối tượng 2 trở xuống có đóng dấu treo của Cục Chính sách. c) Số phiếu mời trong 03 tháng mùa hè (6, 7, 8) đối tượng 1 bằng 40%, đối tượng 2 bằng 30%; số phiếu còn lại phân bổ đều cho các tháng trong năm. Phiếu mời trong 03 tháng mùa hè có đóng dấu đợt; phiếu mời gia đình mỗi tháng chia thành 04 đợt; phiếu mời cá nhân mỗi tháng chia thành 03 đợt. d) Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị phân phối phiếu mời an điều dưỡng; ký phiếu mời đối tượng 1; phối hợp với Cục Cán	này, hàng năm được cấp phiếu mời gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội; b) Đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định này, 02 (hai) năm một lần, được cấp phiếu mời gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội; c) Đối tượng quy định tại điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định này, hàng năm căn cứ số lượng phiếu mời an điều dưỡng do Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách - Xã hội) cấp, các Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh mời cá nhân hoặc gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội. 3. Các đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 Nghị định này khi đi an điều dưỡng tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội được bảo đảm phòng nghỉ (bao gồm vật chất buồng phòng trong phòng nghỉ), chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng kết hợp thăm quan; nộp tiền ăn cho Đoàn an điều dưỡng. Trường hợp cá nhân tự bảo đảm phương tiện đi an điều dưỡng thì được thanh toán tiền tàu xe theo quy định hiện hành cho cả lượt đi và lượt về (tổng quãng đường không quá 1.200 km) theo giá tại thời điểm thanh toán. Trường hợp đơn vị, địa phương bảo đảm phương tiện (ô tô) để đưa, đón sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đi an điều dưỡng tập trung tại các Đoàn an điều dưỡng theo từng đợt thì được bảo đảm xăng dầu theo quy định; trường hợp thuê phương tiện (ô tô) thì được thanh, quyết toán chi phí thuê phương tiện theo thực chi. 4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phiếu mời an điều dưỡng và quản lý, tổ chức an điều dưỡng đối với sĩ quan nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
bộ/Tổng cục Chính trị giao chỉ tiêu cho các Đoàn an điều dưỡng tiếp nhận cán bộ nghỉ hưu đến an điều dưỡng. đ) Cục Chính trị các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ký phiếu mời đối tượng 2 trở xuống; phân phối phiếu mời an điều dưỡng, kinh phí hỗ trợ tiền tàu xe đi an điều dưỡng cho Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố và đơn vị thuộc quyền; dự toán kinh phí tăng. Hàng năm, tổng hợp kết quả an điều dưỡng đối tượng cán bộ quân đội nghỉ hưu về Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (qua Cục Chính sách). e) Khi cấp phiếu mời, tiền an bồi dưỡng phải đúng đối tượng, công khai, không để xảy ra sai sót, tiêu cực; phổ biến cho cán bộ rõ về tiêu chuẩn được hưởng, thời gian nghỉ; hướng dẫn cán bộ an điều dưỡng đúng Đoàn, đúng đợt, đúng thời gian, đúng số lượng người đi cùng (đối với phiếu mời gia đình) ghi trên phiếu. 4. Tổ chức đi nghỉ an điều dưỡng Để tổ chức có hiệu quả việc mời cán bộ đi nghỉ an điều dưỡng, hàng năm Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh) bố trí phương tiện tổ chức đưa, đón cán bộ đi an điều dưỡng tập trung tại các Đoàn theo từng đợt. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh được hỗ trợ xăng dầu, kinh phí tương ứng với chỉ tiêu phiếu mời cá nhân; chủ trì xây dựng kế hoạch, cử cán bộ đưa, đón cán bộ đi an điều dưỡng tập trung; phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tham mưu, đề nghị cấp uỷ, chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí tổ chức đưa đón, gặp mặt đối tượng.		
Điều 5. Chế độ khám chữa bệnh 1. Các bệnh viện quân đội khi ký hợp đồng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương ưu tiên cán bộ quân đội nghỉ hưu đăng ký nơi khám, chữa		Thông tư số 158/2011/TT-BQP quy định chế độ khám, chữa bệnh; tuy nhiên, Luật số 52/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
bệnh ban đầu tại bệnh viện quân đội gần nơi cư trú. 2. Cán bộ quân đội nghỉ hưu khám, chữa bệnh và điều trị tại bệnh viện quân đội được hưởng quyền lợi khám, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; được bố trí phòng điều trị và hưởng chế độ chăm sóc y tế như đối với cán bộ cùng cấp bậc, chức vụ đang tại ngũ. Chi phí khám, chữa bệnh do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.		Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2024 không quy định chế độ này; do đó, dự thảo Nghị định không quy định chế độ khám, chữa bệnh.
Điều 6. Chế độ chăm sóc cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo 1. Đối tượng Cán bộ quân đội nghỉ hưu nếu mắc một trong các bệnh thuộc Danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này được Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh ký quyết định công nhận cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo thì được trợ cấp hàng quý; cán bộ từ trần thì thôi hưởng trợ cấp từ quý tiếp theo. 2. Chế độ hưởng Chế độ trợ cấp bệnh hiểm nghèo được thực hiện từ ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định và được hưởng trợ cấp cả quý đó; mức trợ cấp một người/quý bằng một (01) tháng tiền lương tối thiểu chung theo quy định của Chính phủ tại thời điểm chi trả; Cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo điều trị tại các bệnh viện, của quân đội được hưởng phần chênh lệch giữa tiền ăn bệnh lý và tiền ăn cơ bản do bệnh viện thanh toán. 3. Hồ sơ bệnh hiểm nghèo a) Hồ sơ cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo được lập thành 01 bộ theo các mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo thông tư này, gồm: - Đơn đề nghị xét hưởng chế độ hiểm nghèo (Mẫu số 01/2011/BHN);	Điều 5. Chế độ chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo 1. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu nếu mắc một trong các bệnh thuộc Danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế và được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì được hưởng các chế độ, chính sách sau đây: a) Được hỗ trợ hàng quý với mức hưởng bằng 02 (hai) tháng lương cơ sở. Thời điểm hưởng tính từ quý khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận mắc bệnh hiểm nghèo; trường hợp đối tượng đang hưởng chế độ hỗ trợ nêu trên mà từ trần thì thôi hưởng từ quý tiếp theo. b) Khi điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội thì được hưởng kinh phí chênh lệch giữa tiền ăn bệnh lý và tiền ăn cơ bản bộ binh theo quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần của quân nhân tại ngũ do bệnh viện thanh toán. 2. Trường hợp sĩ quan Quân đội trước khi nghỉ hưu đã được cấp có thẩm quyền công nhận mắc bệnh hiểm nghèo thì khi nghỉ hưu được hỗ trợ hàng quý và chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm hỗ trợ tính từ quý bắt đầu hưởng lương hưu, mức hưởng bằng mức hỗ trợ của cả quý.	Về chế độ chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo: Kế thừa Thông tư số 158/2011/TT-BQP, dự thảo Nghị định này quy định về chế độ chăm sóc khi sĩ quan mắc bệnh hiểm nghèo, cụ thể: Mỗi quý được hưởng chế độ hỗ trợ bằng 02 tháng lương cơ sở, thời điểm hưởng tính từ quý khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận mắc bệnh hiểm nghèo. Lý do: Theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP quy định, hàng quý, sĩ quan Quân đội nghỉ hưu được hưởng 01 tháng lương cơ sở; tuy nhiên, so với hiện nay còn thấp, chưa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của đất nước; mặt khác, chi phí các dịch vụ y tế khám, chữa bệnh hiểm nghèo tăng cao (tiền thuốc men, tiền ăn ...) và đảm bảo cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Về hồ sơ đề nghị công nhận bệnh hiểm nghèo được lập thành 01 bộ là phù hợp để giảm bớt thủ tục hành

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
- Biên bản giám định bệnh hiểm nghèo (Mẫu số 02/2011/BHN); - Quyết định công nhận cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo (Mẫu số 03/2011/BHN); b) Hồ sơ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Ban Chính sách) lưu giữ, quản lý. 4. Trách nhiệm lập hồ sơ, tiếp nhận và giải quyết a) Cán bộ quân đội nghỉ hưu hoặc thân nhân của cán bộ quân đội nghỉ hưu gửi hồ sơ về Ban Chỉ huy quân sự xã, phường nơi cư trú. Hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị xét hưởng chế độ hiểm nghèo (01 bản); - Các giấy tờ liên quan điều trị bệnh hiểm nghèo, gồm: Bản sao bệnh án hoặc một trong các giấy tờ khác như: Sổ sức khỏe, các xét nghiệm (01 bản); - Bản sao quyết định nghỉ hưu hoặc phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu (01 bản) b) Ban Chỉ huy quân sự xã, phường nơi đối tượng cư trú: Tiếp nhận và chuyển hồ sơ hợp lệ đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. c) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: Tiếp nhận hồ sơ do Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chuyển đến, kiểm tra hồ sơ và tình trạng bệnh tật trên hồ sơ theo quy định; lập danh sách đối tượng (kèm theo hồ sơ) báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. d) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Chỉ đạo cơ quan chức năng (Ban Chính sách) tiếp nhận hồ sơ và danh sách do Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện chuyển đến; kiểm tra, thẩm định, tổ chức giám định theo quy định, nếu đủ điều kiện thì lập biên bản kết luận từng trường hợp trình Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh ký Quyết định công nhận cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể	3. Trường hợp sĩ quan Quân đội đã nghỉ hưu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đã được cấp có thẩm quyền công nhận mắc bệnh hiểm nghèo và đang được hỗ trợ hằng quý theo quy định tại Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu thì tiếp tục được hỗ trợ hằng quý, mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Trường hợp hiệu lực của Nghị định này trong tháng đầu quý thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp hiệu lực của Nghị định này không phải tháng đầu quý mà đã nhận hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 158/2011/TT-BQP thì được hưởng tiền chênh lệch giữa mức hỗ trợ đã nhận với mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. 4. Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đã được Hội đồng giám định y khoa khám, kết luận mắc bệnh hiểm nghèo nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định hưởng chế độ hỗ trợ bệnh hiểm nghèo mà từ trần thì thân nhân được hưởng số tiền hỗ trợ bằng 01 (một) quý tại quý sĩ quan nghỉ hưu từ trần. 5. Hồ sơ, trình tự đề nghị, giải quyết a) Hồ sơ đề nghị Đơn đề nghị giám định để hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng theo Mẫu số 01/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Bản chính (bản giấy) hoặc bản sao điện tử Tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện trong hoặc ngoài Quân đội;	chính; hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử; Thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với các cấp và Hội đồng giám định y khoa, cụ thể như sau: - Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc; - Đối với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời gian 05 ngày làm việc; - Đối với Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 30 ngày làm việc. Lý do: Để kịp thời giải quyết và đảm bảo cho đối tượng sớm được hưởng chế độ hỗ trợ.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Tổng hợp danh sách báo cáo về Cục Chính trị quân khu (qua Phòng Chính sách). 5. Tổ chức giám định bệnh hiểm nghèo a) Hội đồng giám định bệnh hiểm nghèo đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ nhiệm quân y; uỷ viên thường trực là Trưởng Ban Chính sách; uỷ viên - thư ký là bác sỹ trợ lý quân y; uỷ viên khác là Trưởng Ban Cán bộ; Trưởng Ban Quân lực. Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quy định cấp Trưởng phòng tương ứng nêu trên. b) Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức giám định thông qua hồ sơ hoặc giám định trực tiếp khám bệnh nhân (trường hợp không có hồ sơ): Giám định thông qua hồ sơ: Phải căn cứ bản sao bệnh án, các xét nghiệm liên quan của bệnh viện dân y từ tuyến quận, huyện hoặc các bệnh viện Quân đội nơi đối tượng đã điều trị; xem xét kỹ nội dung khám, xét nghiệm, chẩn đoán chuyên môn trong bản sao bệnh án để đối chiếu và kết luận giám định theo tiêu chuẩn trong Phụ lục 1- Danh mục bệnh hiểm nghèo ban hành kèm theo Thông tư này để kết luận. Giám định trực tiếp: Khi không có hồ sơ bệnh án của bệnh viện, Hội đồng khám giám định trực tiếp tại gia đình hoặc các cơ sở y tế bằng hình thức khám lâm sàng và xét nghiệm cần thiết; kết luận giám định theo tiêu chuẩn trong "Phụ lục 1 - Danh mục các bệnh hiểm nghèo" để kết luận. Chủ tịch Hội đồng và các thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết luận giám định. Trường hợp không thống nhất được kết luận thì chuyển hồ sơ lên Hội đồng giám định y khoa cấp quân khu.	bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định nghỉ hưu. b) Trình tự đề nghị, giải quyết Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu hoặc thân nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là xã) nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được các giấy tờ trong thành phần hồ sơ (trừ đơn đề nghị giám định) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì sĩ quan Quân đội nghỉ hưu không phải nộp các giấy tờ nêu trên. Ủy ban nhân dân xã trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. Sau khi có quyết định của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh về việc hưởng chế độ hỗ trợ hằng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo thì tiếp nhận, quản lý và thực hiện hỗ trợ theo quy định. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã chuyển đến, có trách nhiệm thẩm định, hoàn thiện hồ sơ kèm theo giấy giới thiệu theo Mẫu số 02/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp đủ điều kiện, đề nghị Hội đồng giám định y khoa theo quy định của Bộ Quốc phòng để khám giám định; trường hợp không đủ điều kiện thì trả lời Ủy ban nhân dân xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản. Căn cứ kết quả giám định của Hội đồng giám định y khoa, nếu kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản giám định	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
	y khoa của Hội đồng giám định y khoa, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định về việc hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo (02 bản) theo Mẫu số 04/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này (lưu 01 bản và gửi 01 bản quyết định về Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú để quản lý, thực hiện hỗ trợ); trường hợp kết luận không mắc bệnh hiểm nghèo thì trả lời Ủy ban nhân dân xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản. Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chuyển đến, có trách nhiệm tổ chức khám giám định bệnh hiểm nghèo theo quy định; kết luận, gửi biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 03/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này (kèm theo hồ sơ của các đối tượng được giám định) về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh nơi đề nghị để ban hành quyết định thực hiện chế độ hoặc trả lời Ủy ban nhân dân xã nơi đề nghị và đối tượng.	
Điều 7. Chế độ thông tin và trợ cấp khó khăn 1. Đối tượng 1: a) Được cấp bằng tiền để cán bộ mua báo Quân đội nhân dân, bao gồm: báo ngày, báo cuối tuần, tập san Sự kiện và nhân chứng. b) Đối tượng nêu tại điểm b, c, d, khoản 1 Điều 2 Thông tư này nếu bị ốm đau, gặp tai nạn phải điều trị dài ngày tại bệnh viện (từ 20 ngày trở lên) được trợ cấp không quá 2 lần/năm, mức trợ cấp 500.000đồng/lần. 2. Đối tượng 2: Được cấp tiền mua báo như đối tượng 1. 3. Giá tiền một số báo được tính tại thời điểm quý I hàng	Điều 6. Chế độ thông tin 1. Chế độ báo chí a) Đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân, gồm: Báo hàng ngày, báo Cuối tuần, tập san Sự kiện và nhân chứng; Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân hàng ngày. b) Mức tiền mua các ấn phẩm quy định tại điểm a khoản này được tính theo giá các ấn phẩm quy định tại thời điểm Quý I hàng năm; tiền mua các ấn phẩm báo chí nêu trên	Về chế độ thông tin, kế thừa Thông tư số 158/2011/TT-BQP; tuy nhiên, dự thảo Nghị định xác định rõ hơn các đối tượng và mức hưởng chế độ báo chí; phân cấp cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc gặp mặt để cung cấp thông tin, thông báo tình hình, đảm bảo thuận lợi trong thực hiện. Cụ thể như sau: - Về chế độ báo chí: Thông tư số 158/2011/TT-BQP

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
năm. Đối tượng 1 và 2 nghỉ hưu vào tháng nào trong năm được cấp tiền báo từ tháng đó (tháng nhận lương hưu), theo giá báo tại thời điểm cấp tiền. Đơn vị quản lý cán bộ được quyết toán theo thực chi, khi cấp tiền báo yêu cầu cán bộ ký nhận, ghi rõ họ và tên, kèm theo bản sao quyết định hưởng chế độ hưu trí.	được cấp theo quý, do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện và thanh, quyết toán. Sĩ quan nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng thuộc quý nào trong năm thì được bảo đảm tiền mua báo chí của cả quý đó; trường hợp đang hưởng chế độ báo chí mà từ trần thì dừng hưởng từ quý tiếp theo. 2. Chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình a) Hằng năm, vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam hoặc dịp tết Nguyên đán, đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định này được gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình theo phân cấp như sau: Đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a và b khoản 2 Điều 2 Nghị định này trong phạm vi toàn quốc (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị trực thuộc Bộ, Bí thư Đảng ủy Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân): Thủ trưởng Bộ Quốc phòng; Đối tượng quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn Quân khu (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị cấp Sư đoàn và tương đương): Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu; Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội: Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Đối tượng quy định tại điểm e và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị cấp Sư đoàn và tương đương): Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị	quy định đối tượng 1 và đối tượng 2 được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân, gồm: Báo ngày, báo Cuối tuần, tập san Sự kiện và nhân chứng. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định quy định đối tượng quy định tại khoản 1 và điểm a, b, c khoản 2 Điều 2 (đối tượng 1 theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP) mới được cấp tiền để mua báo ngày, báo cuối tuần, tập san Sự kiện và nhân chứng của Báo quân đội nhân dân (năm 2025 là 2.061.400 đồng/người/năm). + Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân hằng ngày (năm 2025 là 1.626.000 đồng/người/năm). + Về giá tiền một số báo được tính tại thời điểm Quý I hằng năm theo quy định của cơ quan Báo quân đội nhân dân. - Về chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình: Tại dự thảo Nghị định này quy định rõ cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì cung cấp thông tin, thông báo tình hình đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu theo phân cấp (cấp Bộ Quốc phòng; Quân khu; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Ủy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
	định này thường trú trên địa bàn tỉnh: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ thành phố Hà Nội); Đối tượng quy định tại điểm e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn xã: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã. b) Căn cứ quy định tại điểm a khoản này, các đơn vị, địa phương chỉ đạo việc tổ chức gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình phù hợp với điều kiện, khả năng của đơn vị, địa phương.	ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã) nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam hoặc dịp tết Nguyên đán. * Dự thảo Nghị định không quy định chế độ trợ cấp khó khăn, do khoản 10 Điều 1 Luật số 52/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam không quy định.
Điều 8. Chế độ tổ chức lễ tang 1. Tổ chức lễ tang đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần và Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV ngày 01 tháng 8 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng hy sinh, từ trần (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV). 2. Kinh phí đảm bảo phục vụ lễ tang với đối tượng tổ chức lễ tang cấp nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2002/TT- BTC ngày 02 tháng 5 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản chi phí, cấp phát và quyết toán ngân sách phục vụ lễ quốc tang, lễ tang cấp nhà nước, lễ tang cấp cao. Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức lễ tang cấp cao được chi mức tối đa là 30.000.000	Điều 7. Chế độ hỗ trợ tang lễ khi từ trần 1. Chế độ hỗ trợ đảm bảo tổ chức lễ tang, xây mộ đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu từ trần thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành¹². 2. Chế độ hỗ trợ đối với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc tham gia Ban Tổ chức lễ tang theo quy định của Bộ Quốc phòng đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu khi từ trần từ cấp Đại tá trở xuống nhưng không thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định sau: a) Đối với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng được hỗ trợ 10 (mười) tháng lương cơ sở; Cơ quan cấp Cục và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị và các	Về chế độ hỗ trợ tang lễ khi từ trần, kế thừa Thông tư số 158/2011/TT-BQP; dự thảo Nghị định này thiết kế theo hướng phân cấp cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu khi từ trần; bổ sung cơ quan cấp Cục và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các Tổng cục; tăng mức hỗ trợ (theo hướng cao hơn so với Thông tư số 158/2011/TT-BQP) để đảm bảo trang trọng, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hiện nay và khả thi, thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Cụ thể như sau: - Đối với sĩ quan cấp cao quân đội

¹² Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17/12/2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
đồng (ba mươi triệu đồng), đơn vị căn cứ vào nội dung, định mức chi hợp lý để quyết toán theo quy định. Thủ tục xây mộ và kinh phí xây mộ đối tượng thuộc lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. 3. Kinh phí hỗ trợ lễ tang đối với quân nhân nghỉ hưu từ trần từ cấp Đại tá trở xuống Ngoài trợ cấp mai táng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, hàng năm, Bộ Quốc phòng bố trí một khoản ngân sách để hỗ trợ tổ chức lễ tang cán bộ quân đội nghỉ hưu không thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao. Cụ thể: a) Mức hỗ trợ đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang theo phân cấp, quy định tại điểm 1.2 và 1.3 khoản 1 Mục E Phần III Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV cho một trường hợp như sau: Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức lễ tang mức 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); Sư đoàn, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh và tương đương chủ trì tổ chức lễ tang mức 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Trung đoàn, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và tương đương chủ trì tổ chức lễ tang mức 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); b) Mức hỗ trợ cơ quan quân sự địa phương được phân công tham gia Ban tổ chức lễ tang. Trường hợp cán bộ nghỉ hưu từ trần được tổ chức lễ tang tại gia đình, hoặc tại bệnh viện nơi cư trú, do cấp ủy chính quyền địa phương chủ trì tổ chức lễ tang, cơ quan quân sự địa phương cấp nào được phân công tham gia ban tổ chức lễ tang và đại diện quân đội đến viếng theo phân cấp (quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục E Phần III Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV) thì đơn vị cấp đó được hỗ trợ mức 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng); kinh phí này để chi mua vòng hoa viếng.	Tổng cục được hỗ trợ 08 (tám) tháng lương cơ sở; Cơ quan, đơn vị cấp Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và tương đương được hỗ trợ 05 (năm) tháng lương cơ sở. Các cơ quan, đơn vị còn lại được hỗ trợ 03 (ba) tháng lương cơ sở. Kinh phí hỗ trợ cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang quy định tại điểm này để chi mua đồ thờ, trang trí khánh tiết, vòng hoa, lễ viếng và chi phục vụ lễ tang. b) Đối với cơ quan, đơn vị được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được hỗ trợ 01 (một) tháng lương cơ sở; kinh phí này để chi mua vòng hoa, lễ viếng và đồ lễ theo phong tục tập quán của địa phương. 3. Hàng năm, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc cơ quan, đơn vị được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được thanh, quyết toán thực chi nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này.	nghỉ hưu khi từ trần được tổ chức lễ tang theo quy định tại Nghị định số 105/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức. - Đối với đối tượng sĩ quan từ cấp Đại tá trở xuống khi từ trần, dự thảo Nghị định này quy định việc hỗ trợ đối với đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang theo hướng cụ thể như sau: + 10 tháng lương cơ sở (số tiền = 23.400.000đ) đối với đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức lễ tang (Thông tư số 158/2011/TT-BQP là 7.000.000đ; tăng hơn 3 lần). + 08 tháng lương cơ sở (số tiền = 18.720.000đ) đối với cơ quan cấp Cục và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị và các Tổng cục chủ trì tổ chức lễ tang. + 05 tháng lương cơ sở (số tiền = 11.700.000đ) đối với cơ quan, đơn vị cấp Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì tổ chức lễ tang (Thông tư số 158/2011/TT-BQP là 5.000.000đ, tăng hơn 2 lần). + 03 tháng lương cơ sở (số tiền = 7.020.000đ) đối với các cơ quan, đơn vị còn lại chủ trì tổ chức lễ tang (Thông tư số 158/2011/TT-BQP là

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
c) Các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc được phân công tham gia ban tổ chức lễ tang được quyết toán theo thực chi mức hỗ trợ lễ tang theo quy định trên.		3.000.000đ, tăng hơn 2 lần). - Cơ quan, đơn vị được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được hỗ trợ mức 01 tháng lương cơ sở = 2.340.000đ (Thông tư số 158/2011/TT-BQP là 400.000 đồng, tăng hơn 5 lần); kinh phí này ngoài chi mua vòng hoa, còn làm lễ viếng và mua các đồ lễ theo phong tục tập quán của địa phương.
Điều 9. Chế độ gặp mặt, tặng quà nhân các ngày lễ, tết 1. Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, các quân khu chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương các cấp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí, tổ chức gặp mặt, tặng quà cán bộ quân đội nghỉ hưu theo phân cấp quản lý, quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này. 2. Hằng năm, Bộ Quốc phòng bố trí ngân sách để tặng quà đối tượng chính sách tiêu biểu nhân ngày 27/7 và dịp tết Nguyên đán. Đối tượng được tặng quà, mức quà thực hiện theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương, Chủ tịch nước và Bộ Quốc phòng.		Thông tư số 158/2011/TT-BQP quy định chế độ gặp mặt, tặng quà nhân các ngày lễ, tết; tuy nhiên, Luật số 52 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2024 không quy định chế độ này. Do đó, dự thảo Nghị định không quy định chế độ gặp mặt, tặng quà.
Điều 10. Kinh phí thực hiện, xăng dầu bảo đảm 1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ chính sách quy định tại Thông tư này được bảo đảm từ nguồn thu điều tiết của các doanh nghiệp quân đội và cân đối ngân sách hàng năm của Bộ Quốc phòng. Hàng năm, căn cứ số lượng đối tượng được hưởng, mức hưởng theo quy định, Cục Chính sách Tổng cục Chính trị lập dự toán kinh phí chi thực hiện gửi Cục Tài chính Bộ Quốc phòng để trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt. Căn cứ vào chỉ tiêu ngân sách được Bộ Quốc phòng phê duyệt, Cục Chính sách Tổng cục Chính trị chủ trì phân bổ ngân sách cho	Điều 8. Đăng ký, quản lý sĩ quan Quân đội nghỉ hưu 1. Đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định về việc nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định này nộp giấy giới thiệu và quyết định nêu trên cho Ban Chỉ huy quân sự xã nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử để đăng ký lần đầu. Việc đăng ký bổ sung, đăng ký di chuyển, đăng ký	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
các đơn vị, gửi Cục Tài chính Bộ Quốc phòng để thông báo và cấp phát cho đơn vị thực hiện. 2. Xăng dầu hỗ trợ đi nghỉ an điều dưỡng, hỗ trợ lễ tang và thực hiện chế độ chính sách quy định tại Thông tư này được bố trí trong hạn mức xăng dầu nhiệm vụ chính sách hàng năm của Bộ Quốc phòng. Hàng năm, Cục Chính sách xây dựng kế hoạch, thống nhất với Cục Xăng dầu/Tổng cục Hậu cần.	vắng mặt, đăng ký riêng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng. 2. Quản lý sĩ quan Quân đội nghỉ hưu a) Bộ Quốc phòng quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn toàn quốc để chỉ đạo thực hiện các chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này. b) Các Quân khu quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn quân khu để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này. c) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này. d) Ủy ban nhân dân tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn tỉnh (trừ thành phố Hà Nội) để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này. đ) Ủy ban nhân dân xã (Ban Chỉ huy quân sự xã) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn xã để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này. Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự xã tổng hợp danh sách, số lượng sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đã đăng ký lần đầu, báo cáo về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội nơi sĩ	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
	quan Quân đội nghỉ hưu thường trú để quản lý. Việc quản lý hồ sơ sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng. Điều 9. Nguồn kinh phí 1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5; chế độ bảo chi quy định tại khoản 1 Điều 6; chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình quy định tại khoản 2 Điều 6 (đối với đối tượng do cấp Bộ Quốc phòng, cấp Quân khu, cấp Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội gặp mặt) và chế độ hỗ trợ tang lễ quy định tại Điều 7 Nghị định này do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật ngân sách Nhà nước. 2. Kinh phí bảo đảm tổ chức gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình đối với các đối tượng do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gặp mặt quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này do ngân sách địa phương đảm bảo.	
Điều 11. Phân cấp quản lý thực hiện chế độ 1. Hồ sơ quản lý a) “Phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu, sau đây gọi tắt là Phiếu đăng ký (Mẫu số 04/2011/CBHu) Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này là tài liệu làm căn cứ để lập danh sách, hồ sơ quản lý và thực hiện chế độ đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu. b) Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu từ cấp trung đoàn và đơn vị tương đương trở lên lập 03 bản Phiếu đăng ký, giao cho cán bộ 01 bản, đơn vị lưu 01 bản và gửi 01 bản cho cơ quan quân sự địa phương theo phân cấp, quy định tại khoản 2 Điều này, để quản lý và thực hiện chế độ. 2. Phân cấp quản lý và thực hiện chế độ. Tổng cục Chính trị (Cục Chính sách) quản lý toàn bộ số		

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu toàn quân; quản lý danh sách đối tượng 1, chỉ đạo việc quản lý và thực hiện chế độ theo quy định tại Thông tư này theo phân cấp như sau: a) Quân khu quản lý và chỉ đạo việc thực hiện chế độ, chính sách đối với đối tượng 1 và 2 cư trú tại địa bàn quân khu (trừ đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 này), có trách nhiệm đăng ký, tổng hợp đối tượng để quản lý (theo các mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này), gồm: - Danh sách đối tượng 1 (Mẫu số 5a/2011/DS-HP); - Danh sách đối tượng 2 (Mẫu số 5b/2011/DS-HP); - Danh sách cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo (Mẫu số 5c/2011/DS-HP); - Báo cáo số lượng đối tượng 1 và đối tượng 2 cán bộ quân đội nghỉ hưu (Mẫu số 5d/2011/BC-HP); - Báo cáo số lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu (Mẫu số 5e/2011/BC-HP); b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quản lý và chỉ đạo việc thực hiện chế độ đối với đối tượng 3. c) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quản lý, thực hiện chế độ đối với đối tượng 4. d) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã quản lý, thực hiện chế độ đối với đối tượng 5. đ) Đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân ở thành phố Hà Nội đăng ký, tổng hợp để quản lý và chỉ đạo thực hiện chế độ đối với đối tượng 1 và 2 cư trú tại thành phố Hà Nội theo các mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này, gồm: - Danh sách đối tượng 1 (Mẫu số 5a/2011/DS-HP); - Danh sách đối tượng 2 (Mẫu số 5b/2011/DS-HP); - Báo cáo số lượng đối tượng 1 và 2 (Mẫu số 5d/2011/BC-HP).		
Điều 12. Chế độ báo cáo và di chuyển hồ sơ		

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
1. Đối với các quân khu chỉ đạo cơ quan chức năng báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách), gồm: a) Số lượng cán bộ quân đội nghỉ hưu; b) Danh sách và Phiếu đăng ký đối tượng 1, đối tượng 2; c) Danh sách cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này; d) Dự toán kinh phí thực hiện chế độ để tổng hợp đề nghị Bộ Quốc phòng bảo đảm. 2. Đối với đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân tại thành phố Hà Nội báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách), gồm: a) Danh sách đối tượng 1, đối tượng 2; b) Báo cáo số lượng cán bộ, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Thông tư này. 3. Để có căn cứ lập dự toán ngân sách thực hiện chế độ, các đơn vị gửi báo cáo về Cục Chính sách/TCCT trước ngày 30 tháng 3 hàng năm. 4. Di chuyển hồ sơ: Đối tượng 1 và đối tượng 2 nghỉ hưu, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi 01 bộ hồ sơ về Cục Chính sách Tổng cục Chính trị và 01 bộ hồ sơ về Cục Chính trị Quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Phòng Chính sách) nơi cán bộ cư trú khi nghỉ hưu, gồm: Giấy giới thiệu di chuyển hồ sơ (Mẫu số 05/2011/GGT); Phiếu đăng ký cán bộ quân đội nghỉ hưu (Mẫu số 04/2011/CBHu); bản sao Quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.		
Điều 13. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị 1. Tổng cục Chính trị chỉ đạo triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra. 2. Các cơ quan Bộ Quốc phòng: a) Cục Chính sách Tổng cục Chính trị chủ trì, phối hợp với		

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
Cục Tài chính Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan lập dự toán ngân sách, xăng dầu; bảo đảm kinh phí để Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Chính trị đi thăm, tặng quà ngày lễ tết; thăm và trợ cấp cán bộ đối tượng 1 bị ốm đau, gặp tai nạn. b) Cục Cán bộ Tổng cục Chính trị chủ trì phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị thống nhất kế hoạch mời cán bộ quân đội nghỉ hưu an điều dưỡng tại các Đoàn an điều dưỡng. c) Cục Quân y Tổng cục Hậu cần chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị chỉ đạo các bệnh viện quân đội thực hiện chế độ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu; chế độ ưu đãi đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo khi đi điều trị tại bệnh viện. d) Cục Xăng dầu Tổng cục Hậu cần chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị thống nhất định mức xăng, dầu hỗ trợ đưa cán bộ đi an điều dưỡng, hỗ trợ lễ tang theo loại hình đơn vị; ưu tiên Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh; tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch bảo đảm hằng năm, báo cáo Hội đồng phân bổ hạn mức xăng dầu Bộ Quốc phòng. đ) Cục Tài chính Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Cục Chính sách Tổng cục Chính trị hướng dẫn việc lập dự toán, cấp phát và quản lý ngân sách thực hiện chế độ, chính sách, hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định. 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng: Có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chế độ quy định cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh; lập danh sách cán bộ quân đội đã nghỉ hưu và lưu giữ hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết; chi trả chế độ cho đối tượng và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.		

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
Điều 14. Tổ chức thực hiện 1. Khi Bộ Quốc phòng điều chỉnh quy định mức tiền an, bồi dưỡng tại chức đối với cán bộ trong Quân đội thì mức tiền an, bồi dưỡng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này được điều chỉnh tương ứng theo quy định. 2. Khi Chính phủ điều chỉnh quy định mức tiền lương tối thiểu đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì mức tiền trợ cấp cho đối tượng mắc bệnh hiểm nghèo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này được điều chỉnh tương ứng theo quy định.	Điều 10. Tổ chức thực hiện 1. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm a) Quy định, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền. Xây dựng cơ sở dữ liệu về sĩ quan Quân đội nghỉ hưu để quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đảm bảo thống nhất; b) Hằng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do ngân sách Nhà nước đảm bảo được quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này; c) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. 2. Bộ Tài chính có trách nhiệm a) Quy định, hướng dẫn nội dung mức chi thực hiện khám giám định bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Điều 5 Nghị định này đối với Hội đồng giám định y khoa. b) Hằng năm, căn cứ vào dự toán do Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh lập, bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và kinh phí bảo đảm cho việc khám giám định y khoa xác định bệnh hiểm nghèo quy định tại Nghị định này theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh. 3. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm a) Chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn; b) Chỉ đạo Sở Tài chính, hằng năm lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Bộ Tài chính để tổng	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
	hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bảo đảm kinh phí; c) Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, hằng năm tham mưu, đề xuất tổ chức việc gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận, đăng ký, quản lý, tổ chức gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã; phối hợp thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn.	
Điều 15. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. 2. Thông tư này thay thế Quyết định số 212/2006/QĐ-BQP ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Bộ Quốc phòng về việc thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu; Thông tư số 04/2011/TT-BQP ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 212/2006/QĐ-BQP ngày 21/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu.	Điều 11. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025. 2. Quân nhân chuyên nghiệp; công chức quốc phòng; công nhân quốc phòng; viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu được áp dụng thực hiện chế độ, chính sách như đối với sĩ quan có cùng điều kiện (cấp bậc quân hàm hoặc hệ số lương hoặc hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo) quy định tại Nghị định này. 3. Mức lương cơ sở quy định tại Nghị định này khi bị bãi bỏ thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. 4. Các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới. 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân	Kế thừa Thông tư số 158/2011/TT-BQP đang thực hiện; dự thảo Nghị định quy định quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ, khi nghỉ hưu được áp dụng thực hiện chế độ, chính sách như đối với sĩ quan có cùng điều kiện (cấp bậc quân hàm hoặc hệ số lương hoặc hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo), để đảm bảo quyền lợi, tránh tâm tư, tình cảm đối với cán bộ Quân đội nghỉ hưu.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (THÔNG TƯ 158)	DỰ THẢO VĂN BẢN (NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ)	THUYẾT MINH
	dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	
Điều 16. Trách nhiệm thi hành Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách) để xem xét giải quyết./.		